

Hệ quả kinh tế của cuộc khủng hoảng di cư đối với nước Đức

Lại Thị Thanh Bình^(*)

Tóm tắt: Sau hai năm kể từ khi cuộc khủng hoảng di cư bùng phát đến nay, vẫn còn nhiều tranh cãi xung quanh những ảnh hưởng kinh tế của nó đối với các nước châu Âu. Nhiều người lo ngại việc các quốc gia phải bỏ ra một khoản chi phí khổng lồ để giải quyết khủng hoảng có thể làm suy yếu nền kinh tế, xói mòn hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội. Bài viết sẽ phân tích một số hệ quả kinh tế của cuộc khủng hoảng di cư đối với nước Đức - quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng nhất từ cuộc khủng hoảng này, trên hai khía cạnh là chi tiêu công và thị trường lao động. Qua đó cho thấy, những tác động tiêu cực trong ngắn hạn lên kinh tế vĩ mô là có nhưng không đáng kể, còn xét về trung và dài hạn, nếu có chính sách quản lý tốt, nó sẽ mang lại nhiều hệ quả tích cực hơn cho nền kinh tế và cho người dân Đức.

Từ khóa: Khủng hoảng di cư, Kinh tế, Đức

I. Vài nét chính về cuộc khủng hoảng di cư tại Đức

Đầu năm 2015, hàng trăm nghìn người trong thân phận người di cư^(**) và tị nạn^(***)

từ khắp nơi đã đổ đến châu Âu. Trong khi các nước vùng biên và cả châu Âu đang loay hoay tìm biện pháp đối phó phù hợp thì Thủ tướng Đức Angela Merkel tuyên bố sẵn sàng mở cửa tiếp đón những người này vào Đức. Tuyên bố của bà Angela Merkel được coi là đã kích hoạt cho dòng người di cư ồ ạt đổ về châu Âu, gây nên cuộc khủng hoảng di cư tồi tệ nhất thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Ước tính đến cuối năm 2015, hơn 1,3 triệu người đã đến châu Âu, trong đó 1,1 triệu trong số này chọn Đức là điểm đến, vượt xa con số mà Đức dự tính sẽ tiếp nhận là 800.000 người. Những người đến Đức phần đông là công dân của những nước đang phải gánh chịu hậu quả của chiến tranh, xung đột và khủng bố, nhiều nhất là từ Syria, Iraq và Afghanistan (IOM, 2017).

(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: boongsnack77@yahoo.com.vn

(**) Theo Tổ chức Di cư quốc tế, người di cư là khái niệm được sử dụng để chỉ những người đi khỏi biên giới quốc gia mình để đến sống tại một quốc gia khác, không tính đến tư cách pháp nhân của người đó, không tính đến nguyên nhân của việc di chuyển, tự nguyện hay không tự nguyện, và khoảng thời gian lưu trú là bao lâu (IOM, Who is a migrant, <http://www.iom.int/who-is-a-migrant>).

(***) Theo Công ước về Người tị nạn năm 1951, những người được công nhận là “người tị nạn” là những đối tượng “do sự sợ hãi có cơ sở là sự bị ngược đãi vì những lý do chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, hoặc do là thành viên của một nhóm xã hội cụ thể nào đó, hay vì quan điểm chính trị, đang ở ngoài

Thực tế là trong hàng thập kỷ qua, Đức vẫn luôn dẫn đầu châu Âu về số người nhập cư và số đơn xin tị nạn hàng năm. Sở dĩ như vậy là vì những lý do: *Thứ nhất*, kinh tế Đức luôn duy trì được sự ổn định và tốc độ tăng trưởng, bất chấp việc cả châu Âu trong những năm qua phải vật lộn với cuộc khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng nợ công; *Thứ hai*, Đức có nhiều chính sách hỗ trợ tái hoà nhập với người nhập cư tốt hơn so với nhiều nước châu Âu khác như chính sách hỗ trợ về nhà ở, đào tạo nghề, dạy tiếng Đức, giáo dục cho trẻ em; *Thứ ba*, người nhập cư có cơ sở để kỳ vọng vào một cơ hội việc làm tại Đức dễ dàng hơn những nước khác vì thị trường lao động Đức đang bị thiếu hụt trầm trọng; *Thứ tư*, các phe phái cực hữu và chống nhập cư mặc dù đang gia tăng ở Đức nhưng vẫn không phát triển mạnh như ở một số quốc gia châu Âu, dân tị nạn ít phải đối mặt với sự kỳ thị và phân biệt ở Đức so với các nước khác; *Thứ năm*, ngoài lý do nhân đạo, một số quan điểm cho rằng người Đức vẫn bị ám ảnh và xấu hổ với quá khứ phát xít của họ nên họ sẵn sàng chào đón người di cư và tị nạn như một cách chuộc lỗi và lấy lại hình ảnh tốt đẹp hơn cho nước Đức (Dẫn theo: Nguyễn Hữu Tráng, 2016).

đất nước mà người đó có quốc tịch và không thể, hoặc, do sự sợ hãi như vậy, không muốn tiếp nhận sự bảo vệ của quốc gia đó; hoặc người không có quốc tịch đang sống ở ngoài quốc gia mà trước đó đã từng cư trú do kết quả của những sự kiện đó mà không thể, hoặc do sự sợ hãi, mà không muốn trở lại quốc gia đó” (Liên Hợp Quốc, Công ước về người tị nạn 1951, <https://thuvienphapluat.vn/v...>). Khái niệm về người tị nạn sau đó được mở rộng trong bản Nghị định thư về người tị nạn năm 1967, bao gồm những người rời bỏ quốc gia của mình vì lý do chiến tranh, xung đột hoặc bạo lực, thảm sát xảy ra tại những nơi này, đôi khi còn bao gồm cả những người sống lưu vong ngay bên trong quốc gia của mình.

II. Hệ quả chính trị, kinh tế, xã hội của khủng hoảng di cư

Hệ quả rõ nét nhất mà cuộc khủng hoảng di cư gây ra là ảnh hưởng đến chính trị khu vực châu Âu. Cả châu Âu bị chia rẽ sâu sắc trong vấn đề này: các quốc gia mạnh ai nấy làm theo quan điểm của mình; Hiệp ước Schengen và Quy chế Dublin có nguy cơ bị đổ vỡ; khối Liên minh châu Âu lao đao và có nguy cơ tan rã vì Brexit ở Anh; các phong trào cực hữu với khẩu hiệu chống nhập cư lên như điều gặp gió khắp chính trường châu Âu.

Trong nước Đức, những người không ủng hộ gọi đây là chính sách “nhân đạo nhưng thiếu nền tảng pháp lý” của bà Angela Merkel, một số đòi kiện bà Angela Merkel vì cho rằng chính sách của bà vi hiến và gây ra nhiều hậu quả cho đất nước (Nguyễn Hữu Tráng, 2016). Sự phản đối mạnh mẽ bà Angela Merkel còn xuất phát từ chính những người thuộc Đảng CDU của bà. Đây còn là một cơ hội để đảng AfD (Alternative for Germany - một đảng cực hữu theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan và chống di cư chỉ mới được thành lập năm 2013) nhanh chóng khai thác nỗi sợ hãi đang ngày càng gia tăng trong dân chúng để thu hút cử tri và khiêu khích phản đối Chính phủ đang cầm quyền của bà Angela Merkel. Trong cuộc bầu cử mới đây vào tháng 9/2017, đảng AfD đã về thứ 3 với hơn 12,6% số phiếu và giành được 88 ghế trong quốc hội Đức (Nguồn: <http://www.bbc.com/news/world-europe-41376577>).

Về mặt xã hội, những bất ổn cũng ngày càng gia tăng sau cuộc khủng hoảng. Hàng loạt vụ đụng độ và nổ súng đã diễn ra ở Đức mà thủ phạm là dân tị nạn Hồi giáo. Một số vụ khủng bố và xả súng ở Pháp hay Anh cũng ghi nhận nhóm đối tượng gây án chủ

yếu là dân tị nạn đến từ Đức. Các báo cáo về tình hình tội phạm cũng ghi nhận số vụ án hình sự và kinh tế liên quan tới người nhập cư tăng lên rõ rệt. Năm 2016, tỷ lệ tội phạm trong nhóm người nhập cư ở Đức tăng 52,7% so với năm 2012, riêng tỷ lệ tội phạm tình dục có ít nhất một nghi phạm là người di dân tăng từ 1,8% năm 2012 lên 9,1% vào năm 2016 (Stefan Trines, 2017). Vì những vấn đề này, làn sóng phản đối người nhập cư, phản đối bà Angela Merkel và Chính phủ của bà diễn ra trên khắp nước Đức.

Hai năm qua, số lượng người di cư và tị nạn đến Đức đã giảm đi đáng kể: năm 2016, có khoảng 280.000 người đến Đức (tuy nhiên con số này vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số người tị nạn đến châu Âu là 350.000 người); con số dự báo trong năm 2017 là khoảng 130.000 người trong tổng số khoảng 170.000 đến châu Âu. Cũng trong thời gian này, Đức trục xuất hơn 100.000 người về quê hương của họ (IOM, *Migration Flows - Europe*, <http://migration.iom.int/europe/>).

II. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng di cư đến kinh tế Đức

Giống như nhiều nước châu Âu khác, hệ quả rõ rệt nhất mà cuộc khủng hoảng di cư gây ra với nước Đức là ảnh hưởng đến hệ thống chính trị của họ. Bên cạnh đó, những ảnh hưởng về mặt kinh tế cũng không hề nhỏ, bởi các hệ quả kinh tế thường phải được xem xét trong trung hạn và dài hạn chứ không biểu hiện ngay lập tức như chính trị. Hơn nữa, những tác động của khủng hoảng di cư đối với kinh tế không phải lúc nào cũng dễ dàng thể hiện ở các thông số mang tính định lượng.

1. Ảnh hưởng đến ngân sách quốc gia và tài chính công

Nhiều nghiên cứu về di cư trước đây đều cho rằng, tác động của di cư lên ngân sách

quốc gia và tài chính công các nước tiếp nhận là không lớn. Theo một báo cáo của OECD năm 2014, ảnh hưởng của việc tiếp nhận làn sóng di cư quốc tế đối với các nước OECD trong 50 năm qua ở mức trung bình gần bằng 0. Chi phí và ảnh hưởng của nhập cư đối với ngân sách quốc gia cao hay thấp tùy thuộc vào từng giai đoạn nhưng hiếm khi vượt quá 0,5% GDP một năm. Báo cáo này cũng đưa ra dự đoán đến năm 2020, ảnh hưởng của vấn đề nhập cư chỉ chiếm 0,2-0,3% GDP của Đức (OECD, 2014).

Ngoài ra, mức độ ảnh hưởng còn phụ thuộc rất lớn vào đặc thù của mỗi quốc gia cũng như nguồn ngân sách mà các quốc gia chi cho dân nhập cư. Thực tế có sự khác nhau không nhỏ giữa các quốc gia cả về chi tiêu cho phúc lợi xã hội và cả về tư cách tiếp cận với nguồn phúc lợi ấy của người nhập cư. Chẳng hạn, chi phí phúc lợi xã hội của Pháp và một số nước Bắc Âu cho người nhập cư là khá cao so với Mỹ và một số nước phát triển khác.

Với nước Đức, về ngắn hạn, nền kinh tế Đức sẽ phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng di cư, khi ngân sách nhà nước phải bỏ ra một khoản lớn chi phí phát sinh để giải quyết các vấn đề đời sống trước mắt cho người di cư và tị nạn như nhu yếu phẩm, nhà ở, giáo dục, y tế; các chi phí cho việc gia tăng các hoạt động an ninh nhằm đảm bảo sự an toàn cho đất nước; chi phí cho nền hành chính nhằm xử lý đơn xin nhập cư... Năm 2015, với 1,1 triệu người di cư mới đến, Đức đã phải dành hơn 6 tỷ Euro để giải quyết các vấn đề nhập cư. Hãng Standard & Poors vào năm 2015 đã đưa ra dự đoán các khoản chi ngân sách mà Đức phải chi tiêu cho người nhập cư trong hai năm 2016, 2017 lần lượt là 10 tỷ Euro và 12 tỷ Euro. Tuy nhiên, con số thực tế lớn hơn rất nhiều. Năm 2016,

chi phí tăng vọt lên 21,7 tỷ Euro và năm 2017 Đức có thể phải chi khoảng 21,3 tỷ Euro cho vấn đề di cư và tị nạn, chiếm tới hơn 6% ngân sách hoạt động trong năm của quốc gia. Chi phí này đã bao gồm cả viện trợ nhân đạo cho các nước khủng hoảng, cũng như hỗ trợ tài chính cho các nước châu Âu như Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp để họ giải quyết các vấn đề của cuộc khủng hoảng. Các khoản chi ngân sách quốc gia cũng bị cắt giảm để chi cho việc giải quyết vấn đề người nhập cư, chẳng hạn năm 2016, Đức đã phải cắt giảm 2,5 tỷ USD chi tiêu công cho hoạt động này (Dẫn theo: Đức Chung, 2015).

Nếu chỉ nhìn vào những con số này thì dường như Đức đang phải gánh chịu những hậu quả kinh tế nặng nề. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng cuộc khủng hoảng di cư cũng mang lại một số lợi ích trước mắt cho nền kinh tế Đức. Một số nhà kinh tế đã so sánh việc chi tiêu cho người tị nạn giống như là một “gói kích cầu kinh tế lớn” khi hàng tỷ Euro được bơm vào nền kinh tế. Cuộc khủng hoảng di cư cũng tạo ra lợi nhuận khổng lồ ở một số khu vực tư nhân do giá cả và nhu cầu về dịch vụ nhà ở tăng mạnh. Ví dụ, năm 2017, 800 triệu Euro đã được phân bổ cho việc xây mới nhà chủ yếu phục vụ cho người tị nạn. Công việc này đã kích thích ngành công nghiệp xây dựng ở một số bang của Đức phát triển mạnh. Ngoài ra, dòng người nhập cư cũng tạo ra một thị trường nội địa lớn hơn, vì bản thân những người di cư và tị nạn cũng cần mua sắm và chi tiêu. Điều này thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển sản xuất và sẽ cần nhiều lao động hơn, đẩy lương cao lên và tăng việc làm.

Việc một số ngành kinh tế phát triển cũng đồng nghĩa với việc họ sẽ phải nộp nhiều thuế hơn cho Chính phủ. Mặc dù chưa có thống kê nào về vấn đề này trong cuộc

khủng hoảng di cư vừa qua, nhưng nhiều nghiên cứu trước đây đều chỉ ra lợi ích của việc này. Trung tâm Nghiên cứu kinh tế châu Âu (ZEW) chỉ ra, trong năm 2012, số thuế mà 6,6 triệu người nước ngoài ở Đức đóng cho Chính phủ cao hơn 22 tỷ Euro so với tổng số tiền trợ cấp (chi phí ăn ở, đào tạo, phúc lợi xã hội khác) mà Chính phủ đã dành cho họ khi họ mới đến Đức. Bình quân hàng năm, mỗi người nước ngoài mang đến một số dư 3.300 Euro cho ngân sách Đức thông qua tiền thuế và các khoản đóng góp khác, sau khi đã trừ đi các chi phí phúc lợi xã hội, kể cả chi phí giáo dục (Xem: Ngọc Diệp, 2015).

Liên quan tới những khoản ngân sách dành cho trợ cấp và phúc lợi xã hội, theo nghiên cứu của OECD, số lượng người nhập cư nhận trợ cấp thất nghiệp tại các nước mà họ đến cao hơn 1,4 lần và nhận hỗ trợ về nhà ở cao hơn 1,5 lần so với người bản xứ (Xem: Ngọc Diệp, 2015). Tuy nhiên, người nhập cư phần lớn là người trẻ, ít cần đến dịch vụ y tế cũng như tiền hưu trí - hai khoản lớn nhất của quỹ an sinh xã hội. Những con số trợ cấp cao như trên cũng chỉ diễn ra trong khoảng thời gian các di dân mới đến, vì rõ ràng họ khó khăn hơn về nhà ở và công việc khi mới chân ướt chân ráo đến một nơi xa lạ. Nghiên cứu cũng cho thấy, nếu so sánh chi phí đào tạo người nhập cư với người trong nước, thì người nhập cư cũng không hề lấy đi quá nhiều chi phí đào tạo của nước đến, vì rất nhiều trong số họ đã được đào tạo trong nước và sẵn sàng gia nhập thị trường lao động. Ngoài ra, người nhập cư cũng thường không bị cuốn hút bởi mức trợ cấp xã hội, vì nếu như vậy thì các nước có trợ cấp và phúc lợi tốt như khu vực Bắc Âu phải được ưa thích hơn. Theo Alexander Betts, người nhập cư cũng phải lao động và đóng thuế, họ được nhận phúc lợi xã hội theo sự

đóng góp của họ chứ không phải được chia sẻ từ lợi ích của ai. Hơn nữa, tại Đức, hệ thống phúc lợi dựa trên tiền thuế của người đi làm đang đứng trước khủng hoảng, vì lượng người nghỉ hưu ngày càng tăng, trong khi số người làm việc giảm đi, đến năm 2060, 2 người đi làm sẽ phải nuôi 1 người về hưu nếu như không tăng nguồn cung lao động nhờ vào những người nhập cư (Xem: Alexander Betts, 2014; Ngọc Diệp, 2015).

2. Ảnh hưởng đến thị trường lao động

Một tác động có thể nhìn thấy ngay là, những người nhập cư đến Đức sẽ bổ sung cho sự thiếu hụt lao động trên thị trường lao động nước này do tình trạng già hoá dân số đã ở tình trạng đáng báo động. Kể từ tháng 5/2015, Đức đã vượt Nhật Bản, trở thành nước có tỷ lệ sinh thấp nhất thế giới. Ước tính trung bình trong vài năm gần đây, cứ 1.000 người dân Đức thì chỉ có 8,2 trẻ được sinh ra. Tỷ lệ sinh ở mức thấp này đồng nghĩa với việc đến năm 2030, tỷ lệ người Đức trong độ tuổi lao động (từ 20 đến 65 tuổi) sẽ giảm từ 61% xuống 54%. Tỷ lệ già hoá của Đức cũng ở mức rất cao. Hiện Đức có tới 17 triệu người ở độ tuổi từ 65 trở lên, chiếm 21,1% dân số, con số này được cho là sẽ tăng lên 21 triệu người trước năm 2030, tương đương 27,9% tổng dân số. Với số dân hơn 80 triệu hiện nay, nhưng được dự báo là sẽ giảm xuống chỉ còn từ 65 đến 73 triệu người vào năm 2050, thì lao động nhập cư gần như là một cứu cánh cho thị trường lao động nói riêng và nền kinh tế của nước Đức nói chung. Khoảng 1/3 trong số 1 triệu người di cư và người tị nạn đến Đức năm 2015 dưới 25 tuổi, đây sẽ là nguồn lao động bổ sung đáng kể cho thị trường lao động Đức trong tương lai. Các chuyên gia còn tính toán rằng, kể cả khi tuổi hưu được nâng lên mức 70 tuổi, thì nước Đức vẫn thiếu

nhiều lao động. Ước tính mỗi năm Đức cần thêm khoảng 400.000 lao động để bù đắp sự thiếu hụt lao động trầm trọng hiện nay (Xem: Thông tấn xã Việt Nam, <http://baoquocte.vn/thi-truong-lao-dong-duc...>).

Câu hỏi là, người di cư và tị nạn có lấy đi việc làm của người bản địa hay không? Câu trả lời là có, nhưng không đáng kể. Theo một khảo sát của Văn phòng Di cư và Tị nạn Đức năm 2016, chỉ có 14% những người nhập cư đến Đức năm 2015 và đầu năm 2016 là đã tìm được việc làm. Điều này đồng nghĩa với việc 86% những người đến từ cuộc khủng hoảng di cư vẫn trong tình trạng chờ đợi việc làm. Tỷ lệ này là quá cao nếu so sánh với tỷ lệ thất nghiệp của cả nước Đức năm 2016, chỉ ở mức 3,9% - mức thấp nhất châu Âu trong năm và thấp nhất của Đức kể từ năm 1990 (OECD, 2017). Có thể thấy, những người mới đến còn cần phải trải qua quá trình hội nhập, đào tạo nghề, ngôn ngữ trước khi gia nhập thị trường lao động, nhưng điều này rõ ràng cho thấy người nhập cư không ảnh hưởng đáng kể đến công việc của người bản xứ. Nếu trong cùng một lĩnh vực việc làm, người nhập cư rất khó cạnh tranh với người bản xứ vì vấn đề ngôn ngữ, văn hóa và cả chính sách tuyển dụng lao động nhập cư khắt khe của Chính phủ Đức. Ngay cả lao động nhập cư phổ thông cũng không cạnh tranh với người bản địa ở những công việc tương tự. Trình độ phát triển hiện nay ở các nền kinh tế phát triển, trong đó có Đức, đã đến giai đoạn mà người lao động bản địa có xu hướng loại thải hay rút ra khỏi một số công việc nguy hiểm, vất vả, bẩn thỉu (Dangerous, Demanding, Dirty - được gọi chung là nhóm công việc 3D). Điều này đã đẩy một số ngành rơi vào tình trạng khó khăn về tuyển dụng lao động và buộc phải trông chờ vào người lao động nhập cư.

Lượng người di cư và tị nạn gia tăng đột biến thậm chí còn tạo thêm việc làm cho lao động bản xứ, vì các công ty sẽ phải mở rộng sản xuất và tuyển thêm nhiều nhân công để đáp ứng nhu cầu cho hàng trăm nghìn người này, đặc biệt là trong lĩnh vực tiêu dùng và nhà ở. Ngoài ra, lao động nhập cư cũng có thể góp phần nâng cao chất lượng của thị trường lao động của nước bản địa, bởi trong số những người đến có cả những người có trình độ cao hoặc rất cao, người lao động bản xứ nếu không muốn bị những người này lấy đi việc làm thì sẽ phải nỗ lực nâng cao chất lượng lao động của bản thân để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động.

Đó là về ngắn hạn, còn xét về trung và dài hạn, hiện chưa có đủ dữ liệu để đưa ra những kết luận hợp lý về việc cuộc khủng hoảng di cư có thể tác động cụ thể đến mức nào vì không ai biết chắc chắn những người đến Đức có những kỹ năng gì, bao nhiêu người di cư và người tị nạn sẽ được phép ở lại và làm thế nào họ có thể sớm được tham gia vào lực lượng lao động ở nước sở tại. Những người di cư đến Đức được cho là sẽ cần ít nhất từ 5 đến 6 năm để có thể hòa nhập vào xã hội nước sở tại và đáp ứng các tiêu chuẩn trình độ ở mặt bằng chung, còn nếu muốn ngang bằng với người bản xứ, quá trình này có thể sẽ phải mất từ 10 đến 15 năm, tất nhiên điều này còn phụ thuộc vào cả trình độ của chính những người di cư và người tị nạn.

Cuộc khủng hoảng di cư tác động đến thị trường lao động như thế nào trong tương lai còn phụ thuộc vào chính sách của Chính phủ Đức trong vấn đề này. Hiện nay, Đức vẫn được coi là quốc gia có chính sách tốt nhất trong việc sớm đưa người di cư và tị nạn tiếp cận với thị trường lao động. Ngay khi hồ sơ được tiếp nhận, những người mới đến sẽ có từ 3 đến 6 tháng để học tiếng Đức và một khóa

học về định hướng công dân để hiểu về văn hóa và xã hội Đức cũng như những kỹ năng mềm khi làm việc tại Đức. Song song với đó, họ sẽ được đào tạo một nghề theo yêu cầu của họ và theo nhu cầu của thị trường lao động. Chính phủ cũng hỗ trợ mỗi người nhập cư một khoản tiền khoảng 150 Euro/tháng trong thời gian chờ đợi việc làm và khuyến khích họ tham gia dự án lao động 1 Euro/giờ để tăng thu nhập và dần làm quen với thị trường lao động mới. Tuy nhiên, để chính thức gia nhập được vào thị trường lao động, người nhập cư phải đáp ứng được nhiều tiêu chuẩn ngặt nghèo của Đức, nếu không đạt các yêu cầu sau khi được đào tạo, họ có nguy cơ bị trục xuất ra khỏi Đức. Những người đạt yêu cầu cũng chỉ được ở lại 6 tháng, nếu không tìm được việc làm cũng sẽ không có cơ hội ở lại Đức.

*

Giống như nhiều nghiên cứu về ảnh hưởng của di cư lên kinh tế trong nhiều năm qua, những phân tích trong bài viết cũng cho thấy, xét về dài hạn, người nhập cư sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế hơn nếu chính phủ có chính sách quản lý tốt. Đối với trường hợp Đức, một quốc gia mà trong nhiều năm qua nền kinh tế luôn phải dựa một phần vào những người nhập cư để duy trì tốc độ phát triển, thì cuộc khủng hoảng di cư vừa qua chỉ có thể làm cho họ chao đảo trong một khoảng thời gian ngắn, nhưng về trung và dài hạn, nếu chỉ là những tính toán thuần kinh tế, thì đây là bài toán kinh tế mang lại nhiều lợi ích hơn cho nước Đức và cho chính những người dân Đức □

Tài liệu tham khảo

1. Alexander Betts (2014), *Refugee Economies Rethinking Popular Assumptions*, <https://www.rsc.ox.ac.uk/files/files-1/refugee-economies-2014.pdf>

2. Liên Hợp Quốc, *Công ước về người tị nạn 1951*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-ve-vi-the-cua-nguoi-ti-nan-1951269865.aspx>
3. IOM, *Who is a migrant*, <http://www.iom.int/who-is-a-migrant>
4. IOM, *Migration Flows - Europe*, <http://migration.iom.int/europe/>
5. OECD (2014), *Is Migration Good for the Economy*, <https://www.oecd.org/migration/OECD%20Migration%20Policy%20Debates%20Numero%202.pdf>
6. OECD (2017), *Labour Market Integration of Refugees in Germany*, <https://www.oecd.org/els/mig/Finding-their-Way-Germany.pdf>
7. Stefan Trines (2017), “Lessons from Germanu’s Refugee Crisis: Integration, Costs, and Benefits”, *World Education News & Reviews*, <https://wenr.wes.org/2017/05/lessons-germanys-refugee-crisis-integration-costs-benefits>
8. Nguyễn Hữu Tráng (2016), *Chính sách tị nạn của Đức từ góc độ chính trị và pháp lý*, <http://nghiencuuquocte.org/2016/01/18/chinh-sach-ti-nan-duc-chinh-tri-va-phap-ly/>
9. <https://sputniknews.com/europe/201508291026347721/>
10. Đức Chung (2015), *Khủng hoảng di cư đè nặng kinh tế châu Âu*, <http://baotintuc.vn/phan-tichnhan-dinh/khung-hoang-di-cu-de-nang-kinh-te-chau-au-20151030205246316.htm>
11. Ngọc Diệp (2015), *Nước Đức có thể hưởng lợi gì từ người nhập cư?*, <http://vneconomy.vn/the-gioi/nuoc-duc-co-the-huong-loi-gi-tu-nguoi-nhap-cu-2015090907114531.htm>
12. Thông tấn xã Việt Nam (2017), *Thị trường lao động Đức tiếp tục phát triển ổn định*, <http://baoquocte.vn/thi-truong-lao-dong-duc-tiep-tuc-phat-trien-on-dinh-56161.html>

(tiếp theo trang 57)

Đồng thời, với những ngôn từ đẹp để dành để miêu tả Cố đô Kyoto, vẻ mong manh của hoa anh đào, quang cảnh của Lễ hội Gion, những họa tiết trên bộ Kimono, Kawabata đã thật sự truyền tải được những khát khao của ông trên con đường truy nguyên bản chất hiện tồn của các giá trị văn hóa đến với không chỉ với người dân Nhật Bản mà còn đến với đồng bào độc giả nước ngoài yêu mến, say mê văn hóa xứ Phù Tang. Đây thực sự là một tác phẩm đáng lưu tâm cho những ai đã, đang và sẽ học ngôn ngữ Nhật Bản, vì thông qua tác phẩm này, người học tiếng Nhật sẽ phát hiện được rằng đằng sau ngôn ngữ là những sắc thái văn hóa đặc trưng được truyền tải một

cách khéo léo, làm tăng thêm tình cảm yêu mến mà họ đã dành cho xứ sở Phù Tang □

Tài liệu tham khảo

1. *Tuyển tập Kawabata* (2005), Nxb. Lao động, Hà Nội.
2. A. Radugin (2004), *Những bài giảng văn hóa học*, Viện Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Lê Thị Kim Oanh (2011), *Nhật Bản- Một góc nhìn từ văn hóa lễ hội*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
4. 川端康成 (1968), *古都*, 新潮文庫文
5. J. Martin Holman (translated) (2006), *The Old Capital*, Counter Point Berkeley, USA.